

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



VILAS 718

Mã số Phiếu: 26DVE-0545

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
 2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
 3. Địa chỉ : KCN Minh Hưng III, P. Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 4. Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch, Nguyễn Hồ Thanh Long,
 Phạm Trần Quốc Thắng
 5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
 6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 18/03/2026
 7. Thời gian phân tích : 18/03/2026 – 03/04/2026
 8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 2/2

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0287		
1	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,06)	10	SMEWW 4500- NH3.B&F:2023
2	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023
3	Coliform	MPN/100mL	21 x 10 ²	5.000	SMEWW 9221B: 2023
4	Độ màu ¹	Pt-Co	87	150	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
5	Kẽm (Zn) ¹	mg/L	< 0,108	3	SMEWW 3111 B:2023
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ¹	mg/L	278	150	SMEWW 5220C:2023
7	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ¹	mg/L	165	50	TCVN 6001-1: 2021
8	pH ¹	-	7,85	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
9	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/01

NBH: 30/10/2025

Trang: 1/2



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0545

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0287		
10	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ¹	mg/L	48	100	TCVN 6625:2000
11	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/L	2,4	-	SMEWW 5520B&F:2023
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	10	SMEWW 5520B&F:2023
13	Tổng Nito ¹	mg/L	12,3	40	TCVN 6638:2000
14	Tổng Photpho (tính theo P) ¹	mg/L	0,38	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023

Ghi chú:- ⁽¹⁾: Thông số đã được VILAS công nhận

- KPH: Không phát hiện; MDL: Ngưỡng phát hiện

+ QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Phương pháp lấy mẫu:

Nước thải TCVN 5999 : 1995 Vi sinh TCVN 8880 : 2011 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016;
TCVN 6663-14: 2018 Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu, vị trí lấy mẫu:

- 26NT0287: Nước thải trước xử lý (Kinh độ: 106°36'22.9'', Vĩ độ: 11°27'57.8'')

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/01

NBH: 30/10/2025

Trang: 2/2



Mã số Phiếu: 26DVE-0635

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
- Địa chỉ : KCN Minh Hưng III, P. Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 30/03/2026
- Thời gian phân tích : 30/03/2026 – 08/04/2026
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 3/3

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A C _{max} =C _x K _{qx} K _f	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0422		
1	TDS	mg/L	820	-	HD.TN.236
2	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,06)	4,05	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
3	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL=0,1)	-	TCVN 6622-1: 2009
4	Clo dư ¹	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 – 3 : 2011
5	Độ màu ¹	Pt-Co	38	50	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ¹	mg/L	58	60,75	SMEWW 5220C:2023
7	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ¹	mg/L	19	24,3	TCVN 6001-1: 2021
8	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDI=0,5)	-	SMEWW 5520B&F:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
10	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
11	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,0405	SMEWW 3113B:2023
12	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,081	SMEWW 3113B:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/01

NBH: 30/10/2025

Trang: 1/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0635

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A $C_{max}=C_xK_{qx}K_f$	Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0422		
13	Đồng (Cu) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,62	SMEWW 3111 B:2023
14	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,405	SMEWW 3111 B:2023
15	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,162	SMEWW 3113B:2023
16	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405	TCVN 7877:2008
17	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,09)	0,81	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
18	Kẽm (Zn) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,43	SMEWW 3111 B:2023
19	Sulfua (S ²⁻) ¹	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S2- .B&D:2023
20	Coliform	MPN/1 00mL	14 x 10 ²	3.000	SMEWW 9221B: 2023
21	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ¹	mg/L	23	40,5	TCVN 6625:2000
22	Tổng Nito ¹	mg/L	10,1	16,2	TCVN 6638:2000
23	Tổng Photpho (tính theo P) ¹	mg/L	0,19	3,24	SMEWW 4500-P. B&D:2023
24	Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN- C & E:2023

Ghi chú:- ⁽¹⁾: Thông số đã được VILAS công nhận

- KPH: Không phát hiện

- MDL: Ngưỡng phát hiện

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải

C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT

K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; K_q = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/sK_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; K_f= 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h**Phương pháp lấy mẫu:**
 Nước thải TCVN 5999 : 1995 Vi sinh TCVN 8880 : 2011 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018 Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 04/01

NBH: 30/10/2025

Trang: 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0635

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích
			26NT0422		
Ký hiệu, vị trí lấy mẫu: - 26NT0422: Nước thải sau xử lý (Kinh độ: 106°36'19.8", Vĩ độ: 11°27'55,8")					

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 04/01
NBH: 30/10/2025
Trang: 3/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



VILAS 718

Mã số Phiếu: 26DVE-0544

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
 2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU BÌNH LONG
 3. Địa chỉ : KCN Minh Hưng III, P. Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
 4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
 5. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 18/03/2026
 6. Thời gian phân tích : 18/03/2026 – 03/04/2026
 7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 1 – 3/3

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT (Ngưỡng CTNH)	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26CT0020		
1	Dầu mỡ khoáng ²	mg/Kg	< 90	≥ 1.000 ⁽⁴⁾	US EPA Method 9071B + US EPA Method 1664B
2	Antimon (Sb) ²	mg/L	KPH (MDL=0,05)	≥ 15	US EPA 1311 & US EPA 200.7
3	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
4	Bari (Ba)	mg/L	KPH (MDL=1,51)	≥ 100	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
5	Benzene ²	mg/L	KPH (MDL=0,02)	≥ 0,5	US EPA 1311 & US EPA 5021A
6	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0029)	≥ 1,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
7	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,37)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
8	Coban (Co)	mg/L	KPH (MDL=0,07)	≥ 80	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,44)	≥ 70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B
10	Tali ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 7,0	US EPA 1311 & US EPA 200.7
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0005)	≥ 0,2	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7470 A
12	Tổng Xyanua	mg/Kg	KPH (MDL=2,9)	≥ 590 ⁽⁴⁾	US EPA Method 9010C & US EPA Method 9013A & US EPA Method 9014

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
 - Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 - Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
 - Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
 LBH/SX: 04/01
 NBH: 30/10/2025
 Trang: 1/2

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.dve.vn



Mã số Phiếu: 26DVE-0544

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN	Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích
			26CT0020	07:2025/BNNMT (Ngưỡng CTNH)	
13	Vanadi ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 25	US EPA 1311 & US EPA 200.7
14	Xyanua hoạt động	mg/Kg	KPH (MDL=2,2)	≥ 30 ⁽⁴⁾	US EPA Method 9010C & US EPA Method 9013A & US EPA Method 9014
15	Selen (Se)	mg/L	KPH (MDL=0,0051)	≥ 1,0	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010
16	Phenol ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 1.000	US EPA 1311 & US EPA 3510C & US EPA 3650B & US EPA 8041A
17	pH	-	6,41	2 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
18	Tổng Crom (Cr) ²	mg/L	KPH (MDL=0,5)	≥ 5,0	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2023

Ghi chú:

- ⁽²⁾: Thông số sử dụng nhà thầu phụ
 - + Viện Môi trường và Tài nguyên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố (Dầu mỡ khoáng)
 - + Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 - Vimcerts 078 (Sb, Tali, Vanadi, Phenol, Benzen)
 - + Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú - Vimcerts 292 (Tổng Crom)

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

+ QCVN 07:2025/BNNMT (Ngưỡng CTNH): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng chất thải nguy hại.

⁽⁴⁾ Thông số so sánh theo quy định hàm lượng tuyệt đối cơ sở QCVN 07:2025/BNNMT**Phương pháp lấy mẫu:**

- Chất thải rắn TCVN 9466 : 2021 Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 12058 : 2017

Ký hiệu, vị trí lấy mẫu:

- 26CT0020: Bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III (Kinh độ: 106°36'21.8'', Vĩ độ: 11°27'57.8'')

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 04/01
NBH: 30/10/2025
Trang: 2/2